

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 21/3/2018

Về tranh chấp: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Ngọc Hạnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Tiến Dũng**

2. Ông **Võ Xuân Phong**

-Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Thúy Liễu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Quốc Sĩ** – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 778/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **11/2018/QĐXXST-HNGĐ** ngày 09 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Thúy A**, sinh năm 1986 – Có mặt.

Địa chỉ hộ khẩu: 19A, tổ 6, đường số 3 S, ấp Đ, xã B, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ nơi cư trú: Số 18 đường K, khu phố X, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hoàng B**, sinh năm 1970 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Số 1/6B, khu phố X, thị trấn H, huyện H, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn – chị Phan Thị Thúy A trình bày:

Chị An và anh B tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2005, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND thị trấn H. Cuộc sống

chung giữa chị và anh B không có hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, anh B không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt về nhà quậy phá chửi mắng vợ con, chị A có khuyên nhiều lần nhưng anh B không thay đổi nên vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Vợ chồng ly thân từ tháng 5/2017 đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với anh B.

Về con chung: Có 2 người sinh đôi là Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Hoàng Kh cùng sinh ngày 11/4/2006 hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị A trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Không có ai nợ lại hai vợ chồng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/01/2018 bị đơn anh Nguyễn Hoàng B trình bày:

Anh Nguyễn Hoàng B thống nhất với chị A về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn anh B trình bày do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng có cãi vã nhau nhưng anh B thấy mâu thuẫn vợ chồng không lớn anh B thấy tình cảm vợ chồng còn nên anh B không đồng ý ly hôn, anh B xin đoàn tụ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, thẩm phán, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật tố tụng; người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng pháp luật. Anh B đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B là đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Xét thấy mục đích hôn nhân của chị A và anh B không đạt được, vợ chồng sống ly thân từ tháng 5/2017 cho đến nay. Chị A yêu cầu ly hôn, anh B xin đoàn tụ nhưng anh B không đến Tòa án để giải quyết mâu thuẫn là không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A.

Về con chung, Có 2 người sinh đôi là Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Hoàng Kh cùng sinh ngày 11/4/2006 hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng.

Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình ghi nhận ý kiến của chị A. Về tài sản chung và nợ chung, chị A trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

Chị A phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Phan Thị Thúy A và anh Nguyễn Hoàng B chung sống với nhau từ năm 2005, do tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2010 tại UBND thị trấn H. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị A thấy rằng: Chị A và anh B chung sống với nhau từ năm 2005 đến tháng 9/2017 thì sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, anh B sống không có trách nhiệm với gia đình. Trong thời gian ly thân anh chị cũng không có gặp nhau để hàn gắn tình cảm. Mặc khác trong biên bản lấy lời khai anh B xin đoàn tụ nhưng trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhiều lần mời anh B đến để hòa giải hàn gắn tình cảm cho anh chị nhưng anh B không đến chứng tỏ rằng anh B không có thiện chí và không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Xét thấy, mục đích hôn nhân giữa chị A và anh B không đạt được, tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, do đó chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Có 2 người sinh đôi là Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Hoàng Kh cùng sinh ngày 11/4/2006 hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được tiếp tục nuôi hết hai con chung, không yêu cầu anh B cấp dưỡng. Qua làm việc cháu K và cháu Kh cũng có nguyện vọng sống chung với chị A. Căn cứ các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị A.

[4] Về tài sản chung và nợ chung, chị A trình bày không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Về án phí: Tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”. Trong vụ án này, chị A là nguyên đơn, do đó, chị A phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình. Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị Thúy A và anh Nguyễn Hoàng B.

Chị Phan Thị Thúy A được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng B.

2. Về con chung: Giao 2 cháu Nguyễn Hoàng K và Nguyễn Hoàng Kh cùng sinh ngày 11/4/2006 cho chị A tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ghi nhận chị Phan Thị Thúy A không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng B cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hoàng B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị A trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị A đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004814 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tây Ninh, ghi nhận chị A đã nộp xong tiền án phí.

Án sơ thẩm xử công khai, báo cho chị A biết có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng anh B được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi thường trú.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THA DS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

(Đã ký)

Huỳnh Thị Ngọc Hạnh